

Bản án số: **223/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 30-12-2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Đào

Ông Trương Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7-Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7-Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 125/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy V, sinh năm 1989.

Bị đơn: Ông Trương Hoàng H, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: Thôn Cẩm Phô, xã S, thành phố Đà Nẵng.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Thúy V khai vợ chồng tự nguyện kết hôn vào năm 2010 tại UBND xã Tiên Cẩm (nay là xã S, thành phố Đà Nẵng). Trong thời gian chung, sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn và cho nhau cơ hội nhưng cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Hiện nay vợ chồng không còn tin tưởng

nhau, có những hành động lời nói xúc phạm và xảy ra xô xát, cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng bế tắc và không thể cứu vãn. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trương Hoàng H.

Về con chung: vợ chồng có 3 con chung Trương Thị Yến N1, sinh ngày 11/10/2010; Trương Hoàng N2, sinh ngày 18/7/2016 và Trương Yến N3, sinh ngày 06/7/2020. Nếu ly hôn, bà V có nguyện vọng nuôi dưỡng con Trương Yến N3 và Trương Hoàng N2 đến khi thành niên. Giao con Trương Thị Yến N1 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo, bị đơn ông Trương Hoàng H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà V tự nguyện kết hôn vào năm 2010 có đăng ký kết hôn như bà V trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn bà V trình bày thì ông không đồng ý, ông H cho rằng bà V đi làm quán ăn và có quan hệ tình cảm với người khác, nhưng ông H vẫn tha thứ và mong muốn vợ trở về hàn gắn để cho con có ba và mẹ. Vì vậy, ông H không đồng ý ly hôn với bà V.

Về con chung: Ông và bà V có 3 con chung như bà Vinh trình bày. Nếu ly hôn, ông H có nguyện vọng được nuôi con Trương Thị Yến N1, còn bà V nuôi dưỡng 02 con Trương Yến N3 và Trương Hoàng N2. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông và bà V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng. Nguyên đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật; Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Xử cho bà V được ly hôn với ông H. Về nuôi con chung: giao cháu Trương Yến N3, sinh ngày 06/07/2020 và Trương Hoàng N2, sinh ngày 18/07/2016 cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Trương Thị Yến N1, sinh ngày 11/10/2010 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị giải quyết. Về chia tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được công bố tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Thúy V yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và con chung nên xác định quan hệ tranh chấp “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Trương Hoàng H có nơi cư trú tại thôn Cẩm Phô, xã S, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đà Nẵng là đúng quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Trương Hoàng H đến lần thứ hai nhưng ông H vẫn vắng mặt tại phiên tòa; bà Nguyễn Thị Thúy V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thúy V và ông Trương Hoàng H tự nguyện tìm hiểu, xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 2010 nên hôn nhân của họ là hợp pháp. Trong thời gian chung sống, vợ chồng bà V và ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông H nghi ngờ bà V có quan hệ ngoại tình. Từ đó vợ chồng không tin tưởng và tôn trọng nhau, có hành động lời nói xúc phạm và xô xát nhau, dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần hòa giải để đoàn tụ gia đình nhưng bà V vẫn kiên quyết ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà V và ông H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy V là đúng quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Vợ chồng bà V ông H có 3 con chung Trương Thị Yến N1, sinh ngày 11/10/2010; Trương Hoàng N2, sinh ngày 18/7/2016; Trương Yến N3, sinh ngày 06/7/2020. Nếu ly hôn, bà V và ông H thỏa thuận giao con chung Trương Yến N3, sinh ngày 06/07/2020 và Trương Hoàng N2, sinh ngày 18/07/2016 cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Giao con Trương Thị Yến N1, sinh ngày 11/10/2010 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Xét thấy, sự thỏa thuận của bà V, ông H phù hợp với nguyện vọng của các con. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bà V và ông H về việc nuôi con chung là đảm bảo quyền lợi của con và đúng quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: bà V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 238, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thúy V.

Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Thúy V và ông Trương Hoàng H ly hôn.

Về nuôi con chung: Giao con Trương Yến N3, sinh ngày 06/07/2020 và Trương Hoàng N2, sinh ngày 18/07/2016 cho bà Nguyễn Thị Thúy V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên đủ 18 tuổi. Giao con Trương Thị Yến N1, sinh ngày 11/10/2010 cho ông Trương Hoàng H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thúy Vinh phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà Vinh đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003891 ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Thị hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà Vinh đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 7;
- Phòng THADS khu vực 7;
- UBND xã Sơn Cẩm Hà, TP.Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Trung Thành

